

Quyết định số: 16/2022/HS-GĐT

Ngày 04 tháng 10 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Biên Thùy.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm gồm có: Ông Dương Văn Thăng, ông Phạm Quốc Hưng, ông Trần Văn Cò và bà Lương Ngọc Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nông - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Trần Văn T (có tên gọi khác là Trần Đăng T), sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã NS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: khu 7, phường Cao X, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; có vợ và 06 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/9/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 12 năm tù về các tội giết người và tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng; bị bắt giam ngày 21/6/2018.

Bị hại:

1. Cháu Phạm Trần Thảo N sinh ngày 14/10/2001;

2. Cháu Phạm Trần Phương T1 sinh ngày 10/02/2008;

Người đại diện hợp pháp của những người bị hại: chị Phạm Thị U (mẹ đẻ), sinh năm 1982.

Cùng trú tại: khu 7, phường Cao X, thành, phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Năm 1993, Trần Văn T bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 12 năm tù về các tội giết người và tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng, T thi hành án tại Trại giam số 03 tỉnh Nghệ An. Đến năm 1997, T trốn khỏi nơi giam, đến thành phố H, tỉnh Quảng Ninh lẩn trốn và đi làm thuê rồi quen và chung sống như vợ chồng với chị Phạm Thị U. Chị U không biết chữ, hai người sống

trên một chiếc đò gỗ làm nghề chèo đò chở khách du lịch. Do luôn phải trốn tránh pháp luật, nên T không đăng ký tạm trú, không làm thủ tục đăng ký kết hôn; các con chung của T và chị U đều khai sinh theo họ mẹ. Đến năm 2003, giữa T và chị U đã có 02 con chung là cháu Phạm Trần Minh H sinh ngày 06/02/2000 và cháu Phạm Trần Thảo N sinh ngày 14/10/2001. Thấy việc phải trốn tránh pháp luật ngày càng làm khó khăn bất lợi trong cuộc sống nên T đã ra đầu thú và đi chấp hành tiếp hình phạt tù tại Trại giam số 3 ở Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Đến năm 2007, T được đặc xá ra tù, tiếp tục về Quảng Ninh chung sống với chị U. T và chị U có thêm các con chung gồm các cháu: Phạm Trần Phương T1 sinh ngày 10/02/2008, Phạm Trần Minh K sinh ngày 08/7/2010, Phạm Trần Minh T2 sinh ngày 22/01/2013, Phạm Trần Phương D sinh ngày 13/10/2017. Trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2018, T thường xuyên vô cớ dùng tay, chân, gậy, ván, các đồ dùng trên thuyền đánh đập, hành hạ chị U, cháu H, cháu N, cháu T1, cháu K, cháu T2; các cháu H, N đến tuổi đến trường nhưng không được đi học. Khoảng năm 2013, cháu H đã phải rời thuyền lên bờ đi làm thuê, hàng tháng phải đem tiền về nộp cho T. Khoảng giữa năm 2015, cháu N cũng phải đi làm thuê để đem tiền về theo yêu cầu của T. Cuối năm 2017, khi chị U mới sinh cháu D được hơn 01 tháng, T kêu đau tay không làm gì, để có tiền sinh sống, T bắt chị U đưa các cháu T1, K, T2 cùng cháu D đi ăn xin để đem tiền về cho T.

Ngoài việc đánh đập, hành hạ vợ, con, T còn nhiều lần có hành vi đe dọa, cưỡng ép quan hệ tình dục với 02 con gái ruột của mình là cháu Phạm Trần Thảo N và cháu Phạm Trần Phương T1 trên thuyền gỗ gia đình sinh sống; trong đó có nhiều lần chị U và cháu H đều biết rõ nhưng vì bị T đe dọa nên chị U và cháu H không dám phản kháng. Cụ thể:

Lần thứ nhất, vào khoảng giữa năm 2011, khi chị U đang nấu cơm ở khu bếp trên thuyền thì nghe cháu Phạm Trần Thảo N (lúc đó mới 10 tuổi) kêu: “Mẹ ơi cứu con”, chị U quay lại thấy T không mặc quần áo đang nằm đè lên người cháu N, lúc đó cháu N chỉ mặc áo phong cộc tay, không mặc quần. T giữ hai tay cháu N rồi cho dương vật đang cương cứng vào bộ phận sinh dục của cháu N nhưng không cho vào được, T cọ xát bên ngoài rồi xuất tinh lên bụng cháu N. Chị U sợ bị T đánh nên không dám phản kháng, tố cáo T.

Lần thứ hai, cách lần thứ nhất khoảng một tuần, khi chị Phạm Thị U đi chợ về thì thấy Trần Văn T không mặc quần áo, hai tay T giữ hai tay cháu N và nằm đè lên người cháu N đang không mặc quần áo, T cho dương vật đang cương cứng vào bộ phận sinh dục của cháu N để quan hệ tình dục rồi xuất tinh lên bụng cháu N. Có lần, T còn bắt cháu Phạm Trần Minh H soi đèn pin cho T thực hiện hành vi hiếp dâm cháu N. Sau khi cháu N rời thuyền lên bờ đi làm vào năm 2015 thì T mới chấm dứt hành vi xâm hại cháu N.

Ngoài ra, vào năm 2013, Trần Văn T đã 01 lần thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Phạm Trần Phương T1 (lúc đó mới 05 tuổi). Cụ thể, vào buổi trưa một ngày đầu năm 2013, khi thuyền của gia đình chị U đang neo đậu ở gần bến tàu cũ thuộc phường BC, T kéo cháu T1 lên phản gỗ và cởi quần của cháu T1 ra, hai tay T giữ hai tay cháu T1 rồi nằm đè lên người cháu T1, cho dương vật vào bộ phận sinh dục của cháu T1. Chị U nói với T “Nó còn nhỏ lắm, ông chơi nó làm gì tội nó ra” thì T quát “Mày im mồm đi, đừng có nói to để người ngoài thấy rách việc, mày mà nói lung tung thì mày chết”, chị U sợ nên không nói gì nữa, T tiếp tục cho dương vật vào bộ phận sinh dục của cháu T1, T dùng tay cố ấn dương vật vào âm đạo của cháu T1 nhưng không được, khoảng 10 đến 15 phút thì xuất tinh ra ngoài âm đạo của cháu T1.

Ngày 19/6/2018, chị Phạm Thị U, các cháu Phạm Minh H, Phạm Trần Thảo N, Phạm Trần Phương T1, Phạm Trần Minh K, Phạm Trần Minh T2 đã cùng đến Công an phường CX, thành phố HL tố giác hành vi đánh đập vợ con của T và hành vi xâm hại tình dục của T đối với cháu Phạm Trần Thảo N và cháu Phạm Trần Phương T1.

Tại kết luận giám định số 119/GĐSV ngày 28/9/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Các cháu Phạm Trần Minh H, Phạm Trần Thảo N, Phạm Trần Phương T1, Phạm Trần Minh K, Phạm Trần Minh T2 có quan hệ huyết thống con đẻ - bố đẻ với Trần Văn T với xác suất 99,9999%.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKSQN-P2 ngày 21/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố Trần Văn T về tội “Hiếp dâm trẻ em” quy định tại khoản 4 Điều 112 và tội “Hành hạ vợ, con” quy định tại Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát rút một phần cáo trạng truy tố T về tội “Hành hạ vợ”).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2020/HSST ngày 20/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh áp dụng Điều 151; khoản 4 Điều 112; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Trần Văn T 15 tháng tù về tội “Hành hạ con” và 18 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc Trần Văn T phải chấp hành là 19 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 21/6/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt Trần Văn T 15 tháng tù về tội “Hành hạ con”, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2020, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 220/2021/HSPT ngày 19/5/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại H không chấp nhận kháng cáo của Trần Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKSTC-V7 ngày 10/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số

220/2021/HSPT ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên và Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2020/HSST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phần hình phạt của tội “Hiếp dâm trẻ em” đối với Trần Văn T để xét xử sơ thẩm lại bằng một hình phạt khác nặng hơn, cách ly bị cáo vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội, với lý do: *Trần Văn T thực hiện hành vi hiếp dâm hai con ruột của mình khi các cháu còn nhỏ, chưa tự lập được và vẫn phải do T và chị U nuôi dưỡng nên T phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng này là áp dụng không đúng quy định của pháp luật. Khi T thực hiện hành vi hiếp dâm cháu N mới 10 tuổi, cháu T1 mới 05 tuổi. Hành vi phạm tội của T là trái luân thường đạo lý, có tính chất loạn luân, phạm tội đối với nhiều người, thực hiện nhiều lần, diễn ra trong một khoảng thời gian dài từ năm 2011 đến năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, T không thành khẩn khai nhận tội, không có tình tiết giảm nhẹ nào, trong khi đó lại có 02 tình tiết tăng nặng là điểm g, h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Về nhân thân, T có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù 12 năm tù về các tội giết người và tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng. Mức hình phạt 18 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt bị cáo T về tội “Hiếp dâm trẻ em” là quá nhẹ, không đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện và vi phạm quy định tại khoản 2 (Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội xâm hại tình dục) Điều 6 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.*

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh: Mặc dù tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, Trần Văn T không thừa nhận về hành vi hiếp dâm con ruột của mình là các cháu Phạm Trần Thảo N và Phạm Trần Phương T1, nhưng căn cứ vào lời khai của những người bị hại; lời khai của những người làm chứng; căn cứ kết quả đối chất giữa bị cáo và những người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015, Trần Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Phạm Trần Thảo N (10 tuổi) và một lần hiếp dâm cháu Phạm Trần Phương T1 (05 tuổi) trên chiếc thuyền gỗ hỏng của gia đình đang neo đậu tại bến tàu cũ phường BC. Hành vi phạm tội của Trần Văn T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp

phúc thẩm kết án về tội “Hiếp dâm trẻ em” quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, không oan.

[2] Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

[2.1] Trần Văn T thực hiện hành vi hiếp dâm hai con ruột của mình khi các cháu còn nhỏ, chưa tự lập được và vẫn phải do T và chị U nuôi dưỡng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

[2.2] Trần Văn T thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Phạm Trần Thảo N nhiều lần khi cháu N mới 10 tuổi, thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Phạm Trần Phương T1 01 lần khi cháu T1 mới 05 tuổi thể hiện T đã mất hết tính người, trái luân thường đạo lý, có tính chất loạn luân. Hành vi phạm tội hiếp dâm trẻ em của T được quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, T không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào, trong khi đó lại có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g (phạm tội nhiều lần) và điểm h (phạm tội đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần) khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án 12 năm tù về các tội giết người và tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng. Bị cáo được đặc xá nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xử phạt Trần Văn T 18 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” là quá nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án mà bị cáo gây ra và vi phạm quy định tại khoản 2 (Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội xâm hại tình dục) Điều 6 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, cần hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 220/2021/HSPT ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2020/HSST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phần quyết định hình phạt của tội “Hiếp dâm trẻ em” đối với Trần Văn T để xét xử sơ thẩm lại bằng một hình phạt khác nặng hơn theo đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/QĐ-VKSTC-V7 ngày 10/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 220/2021/HSPT ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2020/HSST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phần quyết định hình phạt của tội “Hiếp dâm trẻ em” đối với bị cáo Trần Văn T để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 7 - VKSND tối cao;
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh (kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh (CQTHS hình sự);
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh (02 bản để giao cho bị cáo Trần Văn T 01 bản);
- UBND xã NS, ĐL, Nghệ An (để theo dõi);
- UBND phường Cao X, tp HL, Quảng Ninh (để theo dõi);
- Bị hại và ĐDHQBH (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKT 1 (3b); Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học; Ban thanh tra; TKTP; VP(TANDTC).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Biên Thùy

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Thăng

Phạm Quốc Hưng

Nguyễn Biên Thùy

Trần Văn Cò

Lương Ngọc Trâm